

# HOẠT ĐỘNG ĐI SỨ VÀ TIẾP SỨ TRONG QUAN HỆ NGOẠI GIAO VIỆT NAM – TRUNG QUỐC DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (1802-1885)

LÊ THỊ HOÀI THANH

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: fuongthaohoa@gmail.com

**Tóm tắt:** Tiếp nối truyền thống bang giao với Trung Quốc, triều Nguyễn đã có sự kế thừa nhất định về thể thức đi sứ và tiếp sứ từ các triều đại phong kiến trước. Tuy nhiên, dưới triều Nguyễn, đi sứ và tiếp sứ đã được nâng lên ở một trình độ cao hơn với những quy định rất cụ thể về mục đích, nhiệm vụ, lộ trình đi sứ; phẩm hàm của sứ thần, chế độ thưởng phạt; công tác chuẩn bị, đón tiếp sứ Thanh và nghi thức của các đại lễ tuyên phong<sup>1</sup>, dụ tế<sup>2</sup>. Thành công đạt được từ các hoạt động này đã góp phần quan trọng tạo dựng mối “bang giao hảo thoại” giữa hai nước trong thế kỷ XIX.

**Từ khóa:** Đi sứ, tiếp sứ, ngoại giao, Việt Nam, Trung Quốc, triều Nguyễn.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dưới triều Nguyễn, việc thiết lập và duy trì quan hệ ngoại giao với Trung Quốc là hoạt động có ý nghĩa hết sức quan trọng trong chính sách đối ngoại. Đây được xem là mối bang giao mang tính truyền thống với những hoạt động rất đặc thù như cầu phong<sup>3</sup>, tuế cống<sup>4</sup>, tạ ơn... từ phía nhà Nguyễn hay là tuyên phong, dụ tế từ phía nhà Thanh. Và lực lượng đảm trách công việc hệ trọng này không ai khác chính là sứ thần của hai nước. Do vậy, nghiên cứu quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc từ góc độ hoạt động của các sứ thần nhà Nguyễn trên các phương diện mục đích, nhiệm vụ, lộ trình, thành phần, thể thức đi sứ và việc tiếp sứ thần nhà Thanh của triều đình nhà Nguyễn sẽ cung cấp một cái nhìn toàn diện về mối bang giao Việt Nam - Trung Quốc trong thế kỷ XIX.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Hoạt động đi sứ sang Trung Quốc dưới triều Nguyễn

#### 2.1.1. Mục đích, nhiệm vụ đi sứ

Trong mối bang giao Việt Nam - Trung Quốc, mục đích cao nhất của việc đi sứ là duy trì, phát triển mối quan hệ theo đúng “trật tự” đã được thiết lập từ trong lịch sử, như Phan Huy Chú đã nói đến: “...*thông hiếu với Trung Hoa, tuy nuôi dân dựng nước có quy mô riêng, nhưng ở trong thì xưng đế, mà đối ngoài thì xưng vương, vẫn chịu phong hiếu, xét lý thế thực phải như thế*” [1, tr.185]. Từ đó, mục đích này được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ tùy thuộc vào từng thời điểm đi sứ, đó là tuế cống, cầu phong,

<sup>1</sup> Việc ban tước hiệu cho vua Nguyễn của nhà Thanh.

<sup>2</sup> Dụ của vua Thanh tế vua Nguyễn băng hà.

<sup>3</sup> Việc xin phong tước.

<sup>4</sup> Việc nước nhỏ dâng vật phẩm cho nước lớn hoặc chư hầu đem dâng vật phẩm lên vua.

báo tang, tạ ơn, chúc mừng sinh nhật vua Thanh. Đến nửa sau thế kỷ XIX, triều Nguyễn còn cử sứ thần sang nhà Thanh để cầu viện chống phi; do thám, thu thập thông tin về người phương Tây ở Trung Quốc cũng như tìm hiểu cách người Thanh đối phó với người phương Tây để triều Nguyễn có cơ sở đối chiếu và rút ra đối sách cho mình. Nhiệm vụ mới này là sự phản ánh hoàn cảnh lịch sử đang chi phối đến quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc bấy giờ, đó là việc Việt Nam và Trung Quốc đều phải đương đầu với sự xâm lược của thực dân phương Tây.

Trong các cuộc đi sứ, có những sứ bộ chỉ đảm trách duy nhất một nhiệm vụ, nhưng cũng có không ít sứ bộ phải đảm đương hai nhiệm vụ trong cùng một chuyến đi sứ, chẳng hạn đoàn sứ bộ năm 1819 do Nguyễn Xuân Tình làm Chánh sứ đã kết hợp việc tuế cống và chúc thọ vua Gia Khánh, hay đoàn sứ bộ năm 1880 do Chánh sứ Nguyễn Thuật dẫn đầu vừa sang tuế cống vừa chuyển tờ sớ nói về tình hình giặc Thanh ở biên giới nước ta.

### **2.1.2. Thành phần đi sứ**

Một đoàn sứ bộ thông thường bao gồm chánh sứ, phó sứ, hành nhân và tùy tùng<sup>5</sup>. Số lượng đoàn sứ bộ có sự thay đổi qua các triều. Dưới thời Gia Long, sứ bộ sang Thanh gồm có 3 viên sứ thần (1 chánh sứ, 2 phó sứ), 3 lục sự, 9 hành nhân và 9 tùy tùng. Đến năm Minh Mạng thứ 6 (1825), nhà vua quy định đoàn sứ bộ gồm 3 sứ thần, 8 hành nhân và 9 tùy tùng.

Quan lại được cử đi sứ phần lớn được lấy từ trong hàng ngũ quan lại cao cấp của triều đình. Tùy vào mục đích đi sứ mà phẩm hàm của sứ thần có khác nhau. Chẳng hạn, đối với sứ bộ sang xin phong thì viên chánh sứ mang hàm quan nhị phẩm, 2 viên giáp, ắt phó sứ mang hàm quan tam, tứ phẩm. Đối với sứ bộ đi chúc mừng thì chánh sứ mang hàm quan tam phẩm; 2 viên giáp, ắt phó sứ mang hàm quan tứ, ngũ phẩm.

### **2.1.3. Lộ trình đi sứ**

Theo Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, đường đi sứ từ Việt Nam sang Trung Quốc khởi hành từ kinh đô Huế, theo đường bộ ra Hà Nội, lên Bắc Ninh, đến Lạng Sơn qua ải Nam Quan vào đất Quảng Tây rồi sâu vào trong nội địa Trung nguyên. Trên hành trình đi sứ, đoàn sứ bộ đi qua tỉnh nào thì tỉnh ấy phải cử biên binh hộ tống sứ bộ. Lộ trình đi sứ này cũng đã được G. Devéria<sup>6</sup> nhắc đến trong công trình *Lịch sử quan hệ giữa Trung Hoa với Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*<sup>7</sup>. Theo G. Devéria vào năm 1804, “các phái viên An Nam mang cống phẩm đi bằng đường bộ qua ải Nam Quan, đến châu Bằng Tường (Quảng Tây), rồi từ đó theo đường thủy đến Bắc Kinh” [5, tr.255]. Dưới triều Nguyễn, đường thủy từ Quảng Tây đến Bắc Kinh có lẽ vẫn tuân theo dự mà hoàng đế Ung Chính đã ban hành vào năm 1726, đó là băng qua các tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây và Sơn Đông [5, tr.255]. Như vậy, có thể thấy, lộ trình đi sứ của sứ thần Việt

<sup>5</sup> Những người đi theo để giúp việc.

<sup>6</sup> G. Devéria: nguyên là thông dịch viên của phái đoàn Pháp tại Trung Quốc và là thông tin viên của trường chuyên về các sinh ngữ phương Đông ở Pháp.

<sup>7</sup> Xuất bản năm 1880 ở Paris.

Nam trải dài qua rất nhiều tỉnh thành của Việt Nam và Trung Quốc, trong đó việc di chuyển có sự kết hợp cả bằng đường bộ lẫn đường thủy.

#### 2.1.4. *Thế thức đi sứ*

Trước khi đoàn sứ bộ lên đường sang Trung Quốc, triều Nguyễn ra lệnh Bộ Hộ báo cho quan lại ở Hà Nội mua sắm vật phẩm. Bước tiếp theo, nhà Nguyễn soạn quốc thư theo lối tự sự, lối biên ngẫu (mỗi kiểu mỗi bản) gửi cho tỉnh Quảng Tây thẩm duyệt trước và gửi kèm công văn hỏi rõ ngày vào cửa quan<sup>8</sup>. Sau khi được nhà Thanh đồng ý cho phép sang sứ, sứ bộ mới bắt đầu xuất phát theo lộ trình đã vạch sẵn để đến kinh đô của nhà Thanh. Trên hành trình đi sứ, ngày đến cửa quan, đoàn sứ bộ phải có điệp tâu. Qua các tỉnh Quảng Tây, Hồ Bắc (Trung Quốc), đoàn sứ thần vẫn tiếp tục làm điệp tâu nói rõ về sự thể đi đường. Khi đến Bắc Kinh, tùy thuộc vào tình hình cụ thể tại buổi diện kiến với triều đình nhà Thanh mà sứ thần triều Nguyễn có những ứng đối và hành xử phù hợp để vừa đạt được nhiệm vụ vừa “*không hổ thẹn đến mệnh lệnh của vua mình*” [3, tr.688] như vua Tự Đức đã từng nhắc nhở các sứ thần. Sau lễ chiêm cận<sup>9</sup>, sứ thần nhận sắc thư cùng các hạng thưởng theo lệ của nhà Thanh và lên đường quay trở về nước.

#### 2.1.5. *Chế độ đối với sứ thần*

Trong hoạt động đối ngoại, sứ thần chính là “*gương mặt*” đại diện cho cả dân tộc. Do vậy, triều Nguyễn đặc biệt quan tâm đến chế độ đối với sứ thần, đảm bảo cho họ có những điều kiện thuận lợi nhất để hoàn thành tốt nhiệm vụ đặt ra. Chế độ thưởng cấp đầu tiên có thể kể đến là ban cấp phẩm phục và tiền cho sứ bộ. Tùy vào mục đích đi sứ mà chế độ ban cấp có sự khác biệt. Đối với các đoàn sứ bộ sang Thanh để nộp cống, tạ ơn hay chúc mừng thì nhà Nguyễn quy định: chánh sứ hàm chánh tam phẩm được cấp 1 bộ áo mũ đại triều, 1 bộ đồ phục<sup>10</sup> chiếu theo phẩm hàm sẵn có, 2 chiếc áo khách dài mặc thường bằng hàng sa dày thủy ba viên hạc, quần nhiều, quần lĩnh mỗi thứ 1 chiếc, 1 chiếc võng, 1 chiếc lọng xanh. Giáp, ắt phó sứ: mỗi người một bộ mũ áo đại triều tòng tam phẩm, các thứ còn lại cũng như chánh sứ. Hành nhân: 1 bộ đồ phục. Những người tùy tùng thì áo mũ cũng như vậy, duy không có mảnh đồ tử<sup>11</sup>. Những người còn lại đi theo sứ thần không có đồ phục, áo quần của họ đều do phủ nội vụ phát. Đối với sứ bộ đi xin sách phong thì chánh sứ được cấp 1 bộ mũ áo nhị phẩm đại triều; Giáp, Ắt phó sứ được cấp 1 bộ áo mũ đại triều tam phẩm và cấp thêm cho các sứ thần 3 bộ áo bào đen, đai sừng. Hành nhân cấp mỗi người một bộ đồ phục. Bên cạnh đồ phục, các sứ thần còn được triều Nguyễn ban cấp tiền. Cụ thể như sau: Chánh sứ 300 quan; giáp, ắt phó sứ mỗi viên đều 200 quan; 8 viên hành nhân 200 quan chia đều nhau; tùy tùng công phái mỗi người đều 20 quan.

Ngoài việc ban cấp tiền, phẩm phục, nhà Nguyễn còn quy định rõ số lượng phu vãng, phu đài tải, hàng hóa cho mỗi sứ thần trên đường đi sứ từ Việt Nam sang Trung Quốc

<sup>8</sup> Công văn này cũng được gửi cho tỉnh Quảng Tây.

<sup>9</sup> Triều kiến Hoàng đế.

<sup>10</sup> Loại áo giao lĩnh buộc chéo nhưng khoác ra bên ngoài khi hành lễ.

<sup>11</sup> Tấm vải hình vuông được đính ở ngực và lưng áo.

và ngược lại: “*Từ nay phàm các sứ bộ sang nước Thanh, khởi trình từ Kinh, trừ các hòm rương đựng của công phải chiếu số mà cấp phát phu đài tải không kể, còn sứ thần, hành nhân, mỗi viên đều được cấp cho 2 suất phu võng, duy số phu đài tải thời có khác: chánh sứ thì cấp 4 suất, giáp, ắt phó sứ, mỗi viên cấp 3 suất, hành nhân mỗi viên cấp 1 suất, theo thứ tự chuyển trạm đến Bắc thành, rồi lại theo nguyên lệ do Bắc thành cấp tiếp, việc này ghi làm lệnh*” [3, tr.315]. Cùng với việc định số phu võng cho các sứ thần, năm 1829, Minh Mạng đặt định số lượng hòm rương đựng lễ vật của công và tư trang của các sứ thần cùng với số phu đài tải tương ứng khi đi sứ. Đó là: lễ công có 19 hòm, đồ vật có 9 hòm; 3 viên sứ thần, mỗi viên 4 hòm tư trang; 8 viên hành nhân, mỗi viên 1 hòm; 9 người tùy tùng có 4 hòm. Và với 52 hòm này, nhà Nguyễn định lệ dùng 140 phu đài tải. Đối với đoàn sứ bộ từ nhà Thanh trở về, quy định số lượng hòm rương và số phu khiêng vác đồ vật của sứ bộ được ban hành vào năm 1832 như sau: Chánh sứ 5 hòm; giáp, ắt phó sứ mỗi viên 4 hòm; hành nhân 8 người, 12 hòm, tùy tùng 9 người 5 hòm. Từ Hà Nội về Kinh, chuẩn cho 3 viên sứ thần, mỗi viên 2 phu khiêng võng và 4 phu đài tải, phẩm phục; hành nhân 8 viên, mỗi viên 2 người phu khiêng võng.

Trên hành trình đi sứ dài ngày, các sứ bộ gặp không ít khó khăn, vất vả và một số thành viên trong đoàn đã không may qua đời ngay trên đất nhà Thanh. Đối với những sự cố này, vua Nguyễn thể hiện sự quan tâm của triều đình bằng việc ban cấp tiền tuất, cử binh lính đưa linh cữu về quê an táng ngay khi đoàn sứ bộ trở về nước, như trường hợp của sứ thần Ngô Vy (1820), hành nhân Hoàng Văn Sưởng (1841), hành nhân Lê Trọng Bá (1849).

Cùng với chế độ ban cấp, triều Nguyễn còn xử phạt nghiêm minh với những sứ thần không hoàn thành nhiệm vụ, mua sắm hàng hóa riêng, bắt dân phu đài tải đồ dùng riêng quá mức quy định. Tùy vào từng trường hợp và mức độ phạm lỗi, triều Nguyễn định mức xử phạt hợp lý, có thể là cách chức, giáng, lưu hoặc truy thu số tiền bạc. Chẳng hạn, bản nhật ký của đoàn sứ thần Hoàng Văn Đản, Trương Hảo Hợp và Phan Huy Chú (đi sứ năm 1830) rất sơ sài, thêm vào đó, trên đường đi sứ về, họ còn bắt nhiều phu trạm vận chuyển tư trang mất rất nhiều phí tổn. Do vậy, vua Minh Mạng đã cách chức Hoàng Văn Đản, Trương Hảo Hợp và Phan Huy Chú để làm gương cho các đoàn sứ bộ sau này.

## **2.2. Hoạt động tiếp sứ thần Trung Quốc dưới triều Nguyễn**

### **2.2.1. Mục đích tiếp sứ**

Việc tiếp sứ nhà Thanh dưới triều Nguyễn không nằm ngoài mục đích nhận sách phong và dụ tế mà vua Thanh ban cho các vua triều Nguyễn. Có thể xem đây là nội dung trọng yếu nhất trong mối bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc thông qua hoạt động của sứ nhà Thanh tại Việt Nam.

### **2.2.2. Địa điểm tiếp sứ**

Trong những lần tuyên phong hay dụ tế cho Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, sứ thần nhà Thanh chỉ đến Thăng Long. Đến 1848, Tự Đức ra dụ với ý muốn từ đây trở đi sứ thần nhà Thanh sẽ đến thẳng kinh sư làm lễ. Cùng trong năm này, đoàn sứ thần do Bùi Quỹ, Vương Hữu Quang và Nguyễn Du đi sứ đã mang quốc thư trình bày việc này và

đã được nhà Thanh chuẩn y. Sang năm sau (1849), sứ Thanh là Án sát Quảng Tây Sùng Quang đã đến kinh đô Huế làm lễ tuyên phong cho vua Tự Đức ở điện Thái Hòa. Đây được xem là một thắng lợi của triều Nguyễn trong quan hệ bang giao với Trung Quốc.

### 2.2.3. *Thế thức tiếp sứ*

Trước khi đại lễ bang giao diễn ra, triều Nguyễn tiến hành tu chỉnh đường sá, công quán, chuẩn bị đầy đủ xe ngựa và cử 3 viên quan chờ mệnh cùng với thư ký, thông ngôn, y sĩ, binh sĩ đem long triều, hương án đến cửa quan chờ sẵn. Khi có tin báo về ngày mở cửa quan, sứ bộ triều Nguyễn cùng quan lại địa phương đến cửa quan. Sứ Thanh đến, bắn 3 phát pháo lệnh rồi mở khóa cửa. Phía triều Nguyễn cũng bắn 3 phát pháo lệnh trả lời, quân sĩ mở cờ, đồng thành hô vang hưởng ứng và bắn tiếp 3 phát súng điều.

Trong khi chờ nhà Thanh cử người đến mời quan đón mệnh<sup>12</sup>, quan tỉnh Lạng Sơn cùng các viên thù phụng, thư ký đến trước đài Chiêu Đức làm lễ triều bái. Sứ Thanh mời quan tỉnh Lạng Sơn cùng viên thù phụng, thư ký vào hậu đường để làm lễ chào yết và sai vệ sĩ đem long đình<sup>13</sup>, hương án, nghi hương, nhã nhạc đến trước đài Chiêu Đức. Sứ Thanh bung cáo văn, sắc thư và dụ văn đặt vào các long đình. Sau đó, cả hai bên đều bắn 3 phát pháo lệnh để đi qua cửa quan theo thứ tự đã được quy định: dẫn đầu là đội nghi trượng, tiếp đến là đến đoàn nhã nhạc (nhã nhạc rước đi nhưng không cử nhạc). Đi sau đoàn nhã nhạc lần lượt là đội mang gương trường, long đình, kiệu sứ Thanh, nhân viên tùy tùng, quan đợi mệnh, biên binh, voi ngựa.

Lúc đoàn sứ Thanh đến công quán, triều Nguyễn cho bắn 3 phát pháo, đặt long đình vào giữa công quán và dẫn đoàn sứ Thanh vào phòng nghỉ ngơi. Cùng lúc này, quan đón mệnh, quan đón tiếp<sup>14</sup> đến trước long đình làm lễ triều bái. Đến chiều, quan đón mệnh, quan đón tiếp đến vấn an sứ Thanh. Sáng ngày hôm sau, quan triều Nguyễn cũng làm lễ triều bái như trước và sai người bẩm với sứ Thanh xin đi. Lúc này, công việc ở công quán đầu tiên đã xong, viên đồng cán, thừa biện vẫn ở lại ứng trực, còn viên thù phụng, thư ký đi theo đoàn sứ bộ đến công quán sau. Đến các công quán tiếp, trình tự và thủ tục cũng như lần đầu (chỉ bỏ một tiết mục là vấn an).

Đoàn sứ Thanh đi qua địa phương nào thì quan tỉnh sở tại đều quỳ đón ở phía ngoài công quán. Sau đó, một viên quan đi trước để kiểm tra đường sá và các thứ khoản đãi, một viên quan lưu lại chờ hộ tống đoàn sứ Thanh đến đầu địa giới tỉnh kế tiếp. Trong những ngày này, các địa phương mà đoàn sứ bộ đi qua đều được trang hoàng lộng lẫy: hàng phố phải kết hoa ở cổng, dán tấm giấy đỏ đề chữ “cung nghinh”; cửa hiệu phải đặt hương án; cấm cờ xí trên thành tỉnh. Nếu địa phương nào có miếu Đế vương các đời hoặc đền thờ thần thì quan tỉnh phải đến cáo yết hoặc đề sứ Thanh cử người đến làm lễ.

Ngày sứ Thanh đến Thăng Long (đến dưới triều Tự Đức là kinh đô Huế), quan đón mệnh, quan đón tiếp cùng nhân viên đến trước long đình làm lễ triều bái. Tiếp đó, vua

<sup>12</sup> Quan để đón sắc mệnh.

<sup>13</sup> Tên của một thứ kiệu có người khiêng, trong đó đựng tờ sắc của nhà vua.

<sup>14</sup> Quan đi đón tiếp sứ thần.

phái quan mang phẩm vật đến thăm hỏi sứ Thanh. Ngay lúc đó hoặc vào ngày hôm sau, sứ Thanh cử nhân viên mang danh thiếp vấn an. Tiếp đó, tùy theo tính chất của buổi đại lễ là tuyên phong hay dụ tế mà có nghi thức phù hợp. Cụ thể, như sau:

Đối với đại lễ tuyên phong: Trước ngày làm lễ, long đình được bày ở chính giữa điện Kính Thiên, hương án ở phía nam long đình. Đến ngày làm lễ, triều Nguyễn phái thêm 2 viên trọng thần văn võ đến trước công quán Gia Quất để tiếp sứ thần; 3 viên quan văn võ mặc phẩm phục và tướng hiệu, binh mã, nhã nhạc, nghi trượng đến bờ nam Nhị Hà. Khi long đình đến bờ Nam, 3 viên trọng thần làm lễ 3 lần quì 9 lần khấu đầu trước hương án và 1 lần quì 3 lần khấu đầu trước sứ Thanh. Tiếp đó, đoàn sứ Thanh vào cửa Chu Tước, tại đây vua Nguyễn và sứ Thanh làm lễ chào nhau và cả hai tiến vào điện Kính Thiên thực hiện việc tuyên phong. Vua Nguyễn cúi lạy nhận sách phong. Lễ xong, quan quân hộ tống đoàn sứ Thanh về công quán để đãi yến và tặng quà. Đại lễ tuyên phong được tiến hành vào các năm 1804, 1821, 1842 và 1849.

Đối với đại lễ dụ tế: Đến ngày làm lễ, long đình được bày ở chính giữa điện, hương án ở phía nam long đình. Đặt thần ngự vị ở phía tây điện, quay mặt hướng đông, án trác, phẩm vật đặt ở phía trước. Đồng thời, nhà Nguyễn còn quy định cụ thể về chỗ đứng của sứ Thanh (ở bên tả hương án phía đông điện), vua Nguyễn (ở phía tây điện, về phía nam hương án, quay mặt về đông) cũng như vị trí của các viên điển nghi<sup>15</sup>, nội tán<sup>16</sup>, trọng thần. Khi sứ Thanh đến cửa Chu tước, vua Nguyễn đội mũ sa đen, mặc áo bào sa đen cùng các trọng thần nghinh tiếp. Vua Nguyễn và sứ Thanh làm lễ vái chào nhau. Tiếp sau đó, nghi lễ dụ tế được tiến hành. Quan điển nghi mời sứ Thanh vào vị trí, quan triều Nguyễn chia ban đứng chầu ở sân điện. Vua Nguyễn cúi lạy nhận dụ tế. Lễ xong, sứ Thanh trở về công quán. Những công việc khoản tiếp cứ chiếu theo lệ để thực thi. Đại lễ dụ tế được tiến hành vào các năm 1821, 1842 và 1849.

#### **2.2.4. Thiết tiệc và tặng phẩm**

Trong những ngày sứ Thanh mới đến, ngày làm lễ và ngày trở về, triều Nguyễn đều thiết đãi yến tiệc rất chu đáo. Mỗi ngày đãi yến một lần, trong đó mỗi lần gồm 1 mâm cỗ yến hạng nhất (1 mâm 50 bát), 7 mâm hạng nhì (mỗi mâm 40 bát), 25 mâm hạng ba (mỗi mâm 30 bát). Riêng đối với hai ngày làm lễ thì cỗ yến được tăng thêm: mâm hạng nhất mỗi mâm thêm 16 đĩa, mâm hạng nhì mỗi mâm thêm 12 đĩa. Cỗ yến đãi sứ Thanh bao gồm những món ngon vật lạ của nước Việt, như yến sào, vây cá, bào ngư, hải sâm, bóng cá, gân hươu...

Cùng với thiết tiệc, việc tặng quà cho sứ Thanh cũng là một phần quan trọng nằm trong chuỗi các hoạt động đón tiếp sứ Thanh. Số lần tặng quà cho đoàn sứ Thanh dưới triều Nguyễn thông thường là 3 lần: lần thứ nhất là khi sứ Thanh đến và thực hiện xong lễ

<sup>15</sup> Viên quan trông coi mọi nghi lễ.

<sup>16</sup> Viên quan xướng lễ trong điện.

tuyên phong, dụ tế; lần thứ hai là sứ Thanh tiến lễ vật và lần thứ ba là khi sứ Thanh trở về nước. Bên cạnh quy định về thời điểm tặng quà, nhà Nguyễn còn quy định rõ số lượng tặng phẩm dựa trên chức vụ của mỗi một thành viên trong đoàn sứ bộ. Tặng phẩm thường là: vàng, bạc, sừng tê, đuôi voi, quế, yến sào, trầm hương, kỳ nam, the, lụa, bộ đồ chè, bộ đồ uống rượu bằng vàng. Chẳng hạn, vào năm Gia Long thứ 3, sau lễ tuyên phong, triều Nguyễn tặng: “*Khâm sứ: 3 đĩnh vàng tốt mỗi đĩnh 10 lạng, 30 đĩnh bạc mỗi đĩnh 10 lạng, 2 cỗ sừng tê, 2 cân ngọc quý Thanh, 20 cân quế tốt, 15 cân yến sào, 10 cân trầm hương, lụa, vải mỗi thứ 100 tấm. Tặng tri phủ Thái Bình là người giúp đỡ việc đi sứ: 20 lạng vàng tốt, 300 lạng bạc, 10 cân yến sào, quế, trầm, lụa vải đều giảm đi một nửa so với tặng khâm sứ...*” [3, tr.357]. Hay vào năm Minh Mạng thứ hai, khi đoàn sứ Thanh về đến cửa ải, quan đón mệnh đưa tiễn viên Khâm sứ cùng với tặng phẩm là: “*5 cân quế, the, lụa, vải mỗi thứ 10 tấm, quạt bằng đồi mồi, hộp sáp thơm, lông đuôi voi, trang sức bằng vàng, mỗi thứ đều 4 chiếc. Viên châu: lụa the vải đều 5 tấm, quạt bằng ngà voi, lông đuôi voi bịt bạc, hộp sáp thơm mỗi thứ đều 2 cái, viên thư ký cũng như thế duy giảm đi 1 tấm lụa, 1 tấm vải. Văn, vũ tuần bộ lễ sinh, thông sự cộng 11 viên, mỗi viên đều giảm đi, bằng nửa của thư ký*” [3, tr.359].

### 3. KẾT LUẬN

Dưới triều Nguyễn, việc đi sứ sang Trung Quốc đã được hoàn chỉnh thông qua những quy định hết sức cụ thể từ mục đích, nhiệm vụ, lộ trình đi sứ cho đến thành phần, phẩm hàm, chế độ thưởng phạt đối với đoàn sứ bộ... Điều này một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của việc đi sứ trong đường lối đối ngoại của triều Nguyễn với Trung Quốc. Song song với hoạt động đi sứ là những lần triều Nguyễn tiến hành tiếp sứ theo những thể thức đã được đề ra. Sự chính chu, trang trọng từ việc chuẩn bị đón tiếp cho đến lúc tiến hành các nghi lễ không chỉ tạo nên sự thành công của những lần tiếp sứ mà còn minh chứng cho sự lớn mạnh của triều Nguyễn trên phương diện ngoại giao. Và có thể khẳng định, tất cả những hoạt động này đã trở thành dấu ấn đậm nét trong lịch sử bang giao Việt Nam - Trung Quốc dưới thời trung đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 8, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Trần Đức Anh Sơn (2008), “Các chuyến đi sứ sang Trung Hoa thời Nguyễn”, *Huế triều Nguyễn một cái nhìn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.70-88.
- [5] Trần Đức Anh Sơn (2008), “Hoạt động thương mại của các sứ bộ Việt Nam ở Trung Hoa thời Thanh”, *Huế triều Nguyễn một cái nhìn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.252-263.

**Title:** THE ACTIVITIES OF GOING AS ENVOYS AND WELCOMING THE AMBASSADORS IN DIPLOMATIC RELATIONS OF VIETNAM – CHINA IN THE NGUYEN DYNASTY (1802-1885)

**Abstract:** Continuing diplomatic traditions to China, the Nguyen dynasty certainly inherited about the formula of going as envoys and welcoming the ambassadors from the previous feudal dynasties. However, in the Nguyen dynasty, going as envoys and welcome to the ambassadors were raised in a higher level with very specific provisions on the purpose, commission, route of going as envoys, ranks of the ambassadors, pay-off mode, the preparation, reception of the Thanh ambassadors and the ritual of the great ceremonies. Achievements of these activities contributed significantly to create the pacific diplomacy between the two countries in the 19<sup>th</sup> century.

**Keywords:** Go as envoys, welcome to the ambassadors, Nguyen dynasty, Vietnam, China.